

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 09-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Bốn và ông Tô Tấn Linh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dung Thạch – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số: 49/TB-TA ngày 19/6/2024 đối với:

- Bị cáo: Họ và tên: **LÊ TRUNG ĐỨC**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 14 tháng 5 năm 2005 tại tỉnh Quảng Ngãi; số căn cước công dân: 051205012506 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2022; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: Lớp 10 /12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; họ tên cha: **Lê Hữu T**; họ tên mẹ: **Nguyễn Thị L**; vợ, con: chưa có. Bị cáo có hai anh em, bị cáo là con lớn. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 26/9/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại **huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**; đến ngày 20/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Bị cáo **Lê Trung Đ** bị tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

+ Bị hại: Ông **Nguyễn Công S**, sinh năm 1991; bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Tài D** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ: **Số F P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Hồng Thị Thanh H**, sinh năm 1967 - Chủ DNTN Hiệu vàng **H**, địa chỉ: **Số H H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà **Bùi Thị Tuyết N**, sinh năm 1972 - Chủ DNTN Hiệu vàng Hoa **T1**, địa chỉ: **Số B N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974, ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1971, cùng địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ sáng ngày 21/9/2023, **Lê Trung Đ** mang theo một tuavít màu đỏ đen, dài 20cm, đi bộ đến vị trí cửa sau nhà ông **Nguyễn Công S**, bà **Nguyễn Thị G** ở **thôn A, xã N, huyện T**; biết vợ chồng ông **S**, bà **G** đi bán hàng sớm, không có ai ở nhà và quan sát xung quanh không có ai, **Đ** dùng tuavít mở chốt tay cầm cửa sau đột nhập vào nhà ông **S** lục tìm tài sản. Phát hiện phòng ngủ bên trái theo hướng đi của mình không có khóa, **Đ** mở cửa đi vào bên trong rồi lục soát hộc tủ bàn trang điểm thấy có tài sản gồm: 01 (một) vòng đeo cổ bằng vàng 18k; 01 (một) vòng đeo tay bằng vàng 18k; 01 (một) nhẫn bằng vàng 18k; 01 (một) đôi bông tai bằng vàng 18k; 01 (một) dây chuyền bằng vàng 18k và 01 (một) mặt dây chuyền bằng nanh khi bọc vàng 18k nên lấy bỏ vào túi quần. Tiếp đó, **Đ** lục các hộc tủ còn lại của bàn trang điểm và tủ quần áo trong phòng nhưng không lấy được tài sản gì. Sau đó, **Đ** về nhà. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, **Đ** một mình mang số vàng gồm: 01 vòng đeo cổ bằng vàng 18k; 01 nhẫn bằng vàng 18k; 01 dây chuyền bằng vàng 18k đến **tiệm V**, địa chỉ: **số H đường H, phường Q, thành phố Q** bán được số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, **Đ** mang số vàng còn lại gồm: 01 vòng đeo tay bằng vàng 18k; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k và 01 mặt dây chuyền bằng nanh khi bọc vàng 18k đến **tiệm V1**, địa chỉ: **số B đường N, phường Q, thành phố Q** bán được số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Số tiền bán vàng nêu trên, **Đ** tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan Công an, **Lê Trung Đ** đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình.

* **Vật chứng của vụ án thu giữ:** Không.

* **Về kết luận giám định:**

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận như sau:

- Một vòng đeo cổ bằng vàng 18k trị giá 2,375 chỉ, trị giá thành tiền là 8.312.500đ (Tám triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Một vòng đeo tay bằng vàng 18k trị giá 04 chỉ, trị giá thành tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Một nhẫn bằng vàng 18k trị giá 0,91 chỉ, trị giá thành tiền là 3.185.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Một đôi bông tai bằng vàng 18k trị giá 1,17 chỉ, trị giá thành tiền là 4.095.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Một dây chuyền bằng vàng 18k trị giá 0,855 chỉ trị giá thành tiền là 2.992.500đ (Hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

- Một mặt dây chuyền bằng nanh khi bọc vàng 18k trị giá 1,22 chỉ, trị giá thành tiền là 4.270.000đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng cộng giá trị thiệt hại tài sản là 36.855.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

*** Về phần dân sự:** Bị hại đã có đơn trình bày đã được bồi thường số tiền 30.000.000đồng, không yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số: 18/CT-VKS-TN ngày 25/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo **Lê Trung Đ** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Lê Trung Đ** từ 09 đến 12 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường số tiền 30.000.000đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo thống nhất về tội danh và khung hình phạt theo nội dung đề nghị của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Việc bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường xong cho bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù.

- Bị hại đã được bồi thường số tiền 30.000.000đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L**, ông **Lê Hữu T** trình bày: Ông, bà là cha mẹ đẻ của bị cáo, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng và không yêu cầu gì về số tiền này.

- Tại Cơ quan điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà **Hồng Thị Thanh H** - chủ DNTN Hiệu vàng **Hoàng H1** và bà **Bùi Thị Tuyết N** - chủ DNTN Hiệu vàng Hoa **T1** đều trình bày không biết tài sản do bị cáo **Đ** mang đến bán là tài sản trộm cắp mà có và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

[1.1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1.2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hồng Thị Thanh H** và bà **Bùi Thị Tuyết N**; tuy nhiên, bà **H**, bà **N** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bà **H**, bà **N** không ảnh hưởng đến việc xét xử; do đó, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ngày 21/9/2023, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại bà **Nguyễn Thị G**, ông **Nguyễn Công S** số tài sản trị giá 36.855.000đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hội

đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo **Lê Trung Đ** thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.3] Về nhân thân: Ngày 26/9/2023, **Lê Trung Đ** có hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xử phạt 06 tháng tù theo bản án số: 06/2023/HSST ngày 20/12/2023, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 29/3/2024.

[3.4] Đây là các căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Bị hại đã được bồi thường số tiền 30.000.000đồng, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt là phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L**, ông **Lê Hữu T**, là cha mẹ đẻ của bị cáo: Bà **L**, ông **T** đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng; ông, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại, bị cáo cũng không có ý kiến gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hồng Thị Thanh H** - Chủ DNTN Hiệu vàng **Hoàng H1** và bà **Bùi Thị Tuyết N** - Chủ DNTN Hiệu vàng Hoa **T1**: Bà **H** và bà **N** đều không biết tài sản do bị cáo **Đ** mang đến bán là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét thấy, vào ngày 20/12/2023, bị cáo **Lê Trung Đ** bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí do đó được miễn án phí theo quy định.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Trung Đ** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo **Lê Trung Đ** 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 29/3/2024 (ngày bị bắt tạm giam).
3. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Lê Trung Đ** 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2024) để đảm bảo thi hành án.
4. Về án phí: Bị cáo **Lê Trung Đ** được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333, khoản 1 Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Kỳ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ngân

